

Số: 2272/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 10 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020 và Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 2714/KH-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai Kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp các DVC (thủ tục hành chính) được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này lên DVC mức độ 4 hoàn thành trước ngày 01/9/2021.

2. Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức vận hành kiểm thử, xác nhận hoàn thành việc xây dựng DVC mức độ 4 thuộc thẩm quyền của đơn vị trước khi chính thức đưa vào sử dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Tin học hóa - Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCĐ CCHC tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, KSTTHC (Thảo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Năm 2021\QĐ Danh mục DVC mức 4 (SYT).docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC DVC (TTHC) LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ Y TẾ TRIỂN KHAI MỨC ĐỘ 4 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
1	1.003348.000.00.00.H47	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	2	x
2	1.003332.000.00.00.H47	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	2	x
3	1.003108.000.00.00.H47	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	2	x
4	1.002425.000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	2	x

5	1.003748.000.00.00.H47	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
6	1.001398.000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	Khám chữa bệnh	2	x
7	2.00098. 000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	2	x
8	2.001184.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I	Khám chữa bệnh	2	x
9	1.002795. 000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục II	Khám chữa bệnh	2	x
10	1.001004.000.00.00.H47	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	Khám chữa bệnh	2	x
11	1.001687.000.00.00.H47	Cấp giấy khám sức khỏe cho người lái xe	Khám chữa bệnh	2	x

12	1.000986.000.00.00.H47	Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	Khám bệnh	chữa	2	x
13	1.001058.000.00.00.H47	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	Khám bệnh	chữa	2	x
14	1.002073.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám bệnh	chữa	2	x
15	1.002111.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Khám bệnh	chữa	2	x
16	1.002097.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám bệnh	chữa	2	x
17	1.002015.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Khám bệnh	chữa	2	x
18	1.002191.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Khám bệnh	chữa	2	x

19	1.002205.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
20	1.002182.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
21	1.002215.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Khám bệnh	chữa	2	x
22	1.002230.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Khám bệnh	chữa	2	x
23	1.002162.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
24	1.001907.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khám bệnh	chữa	2	x

25	1.003848.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khám bệnh	chữa	2	x
26	2.000984.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ y tế thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
27	1.003531.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh,	chữa bệnh	2	x
28	1.003628.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
29	1.003644.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh,	chữa bệnh	2	x
30	1.00.2058.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám bệnh	chữa	2	x

31	1.003774.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	Khám bệnh	chữa	2	x
32	1.001793.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
33	1.003803.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh,	chữa bệnh	2	x
34	1.003876.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	Khám bệnh	chữa	2	x
35	1.001138.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh,	chữa bệnh	2	x
36	1.003746.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám bệnh	chữa	2	x

37	2.000559.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
38	1.002131.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Khám chữa bệnh	2	x
39	1.00214.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	Khám chữa bệnh	2	x
40	1.002464.000.00.00.H47	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	2	x
41	1.003800.000.00.00.H47	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	2	x
42	1.003824.000.00.00.H47	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	2	x

43	2.000968.000.00.00.H47	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh	chữa	2	x
44	1.002. 000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh	chữa	2	x
45	1.003516.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh	chữa	2	x
46	1.001663.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh	chữa	2	x
47	1.006780.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh		2	x
48	2.000552.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh		2	x

49	1.000511.000.00.00.H47	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
50	1.000562.000.00.00.H47	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
51	1.003709.000.00.00.H47	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	4	x
52	1.003773.000.00.00.H47	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	4	x
53	1.003787.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	4	x
54	1.001734.000.00.00.H47	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám chữa bệnh	2	x

55	1.00175.000.00.00.H47	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh chữa bệnh	2	x
56	1.001824.000.00.00.H47	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
57	1.001595.000.00.00.H47	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
58	1.000854.000.00.00.H47	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
59	1.001866.000.00.00.H47	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
60	1.001846.000.00.00.H47	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x

61	1.001884.000.00.00.H47	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
62	1.001641.000.00.00.H47	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế	Khám chữa bệnh	2	x
63	1.003720.000.00.00.H47	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
64	1.00098.000.00.00.H47	Khám sức khỏe định kỳ	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
65	1.001675.000.00.00.H47	Khám sức khỏe định kỳ của người lái xe ô tô	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
66	2.00117.000.00.00.H47	Khám sức khỏe định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
67	1.001077.000.00.00.H47	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
68	1.001086.000.00.00.H47	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x

69	1.001987.000.00.00.H47	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
70	1.003547.000.00.00.H47	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	2	x
71	1.008069.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế dự phòng	2	x
72	1.006425.000.00.00.H47	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế dự phòng	2	x
73	1.006422.000.00.00.H47	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế dự phòng	2	x
74	1.003580.000.00.00.H47	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Y tế dự phòng	2	x
75	1.002467.000.00.00.H47	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Y tế dự phòng	2	x
76	1.002944.000.00.00.H47	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Y tế dự phòng	2	x
77	2.000655.000.00.00.H47	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Y tế dự phòng	2	x

78	1.004471.000.00.00.H47	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Y tế dự phòng	2	x
79	1.004477.000.00.00.H47	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Y tế dự phòng	2	x
80	1.003993.000.00.00.H47	Công bố đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền Sở y tế	Y tế dự phòng	2	x
81	1.003958.000.00.00.H47	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Y tế dự phòng	2	x
82	1.004488.000.00.00.H47	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện	Y tế dự phòng	2	x
83	1.000844.000.00.00.H47	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS	Y tế dự phòng	2	x
84	1.001386.000.00.00.H47	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Y tế dự phòng	2	x
85	1.004568.000.00.00.H47	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Y tế dự phòng	2	x

86	1.004541.000.00.00.H47	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Y tế dự phòng	2	x
87	1.002231.000.00.00.H47	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh	Y tế dự phòng	2	x
88	1.002216.000.00.00.H47	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại nhà	Y tế dự phòng	2	x
89	1.006431.000.00.00.H47	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính	Y tế dự phòng	2	x
90	2.000997.000.00.00.H47	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Y tế dự phòng	2	x
91	1.001523.000.00.00.H47	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức cán bộ	2	x
92	1.001514.000.00.00.H47	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tổ chức cán bộ	2	x
93	1.004616.000.00.00.H47	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8,	Dược phẩm	2	x

		9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược)theo hình thức xét hồ sơ			
94	1.002952.000.00.00.H47	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Dược phẩm	2	x
95	1.003963.000.00.00.H47	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Dược phẩm	2	x
96	1.004571.000.00.00.H47	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế(Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	2	x
97	1.004593.000.00.00.H47	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	2	x
98	1.004596.000.00.00.H47	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm	2	x
99	1.002258.000.00.00.H47	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Dược phẩm	2	x
100	1.004599.000.00.00.H47	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm	2	x

101	1.004604.000.00.00.H47	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm	2	x
102	1.002399.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược phẩm	2	x
103	1.004576.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	2	x
104	1.004585.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm	2	x
105	1.004459.000.00.00.H47	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược phẩm	2	x
106	1.004532.000.00.00.H47	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với	Dược phẩm	2	x

		cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)			
107	1.004529.000.00.00.H47	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Dược phẩm	2	x
108	1.001893.000.00.00.H47	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Dược phẩm	2	x
109	1.002934.000.00.00.H47	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	Dược phẩm	2	x
110	1.002235.000.00.00.H47	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	Dược phẩm	2	x
111	1.003937.000.00.00.H47	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	Dược phẩm	2	x
112	1.003954.000.00.00.H47	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu	Dược phẩm	2	x
113	1.004087.000.00.00.H47	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm	2	x
114	1.004449.000.00.00.H47	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất	Dược phẩm	2	x

		cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt			
115	1.003994.000.00.00.H47	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn dược liệu	Dược phẩm	2	x
116	1.003961.000.00.00.H47	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược liệu	Dược	2	x
117	1.002292.000.00.00.H47	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Dược	2	x
118	1.002339.000.00.00.H47	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại	Dược	2	x
119	1.003001.000.00.00.H47	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc	Dược	2	x
120	1.003613.000.00.00.H47	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Dược	2	x
121	1.004516.000.00.00.H47	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Dược	2	x
122	1.004557.000.00.00.H47	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược	2	x
123	1.009407.000.00.00.H47	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa	Dược	2	x

		bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế			
124	1.009566.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm	2	x
125	1.003055.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	2	x
126	1.002483.000.00.00.H47	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm	2	x
127	1.003064.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm	2	x
128	1.000662.000.00.00.H47	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm	2	x
129	1.000990.000.00.00.H47	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm	2	x
130	1.000793.000.00.00.H47	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm	2	x
131	1.002600.000.00.00.H47	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	2	x
132	1.002600.000.00.00.H47	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm	2	x

133	1.003006.000.00.00.H47	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Trang thiết bị và CTYT	2	x
134	1.003029.000.00.00.H47	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	Trang thiết bị và CTYT	3	x
135	1.003039.000.00.00.H47	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Trang thiết bị và CTYT	3	x
136	2.000985.000.00.00.H47	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Trang thiết bị và CTYT	3	x
137	2.000982.000.00.00.H47	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	Trang thiết bị và CTYT	3	x
Tổng cộng					137